

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỘNG CƠ HỌC TẬP VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỘNG CƠ HỌC TẬP VÀ THÁI ĐỘ HỌC TẬP MÔN VẬT LÝ CỦA HỌC SINH PHỔ THÔNG TẠI THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

Nguyễn Phạm Ngọc Thiện

Trường Đại học An Giang - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
Email: npnthien@agu.edu.vn

Article History

Received: 09/3/2020

Accepted: 31/3/2020

Published: 05/5/2020

Keywords

learning motivation, learning attitude, Physics, secondary school, student.

ABSTRACT

Physics is a discipline of natural sciences, making important contributions to the progress of science and technology. Maintaining and developing the students' learning motivation in Physics at secondary school are important factors for learning quality, efficiency, and attitudes of learners. To study the factors affecting students' learning motivation and their influences on learning attitudes, we carried out a study on students at a secondary school and two high schools in Long Xuyen city, An Giang province. The research results show factors including family, friends, competences, hobbies, awareness and the importance of Physics all affect learning motivation of secondary students. Besides, there is a statistically significant relationship between the learning motivation and the attitude in studying Physics in the sample.

1. Mở đầu

Vật lý là môn khoa học liên quan mật thiết tới cuộc sống, góp phần giúp người học hiểu được bản chất của các hiện tượng xảy ra trong đời sống hằng ngày. Có nhiều học sinh (HS) yêu thích môn Vật lý vì lí do tích cực như mong muốn khám phá thế giới xung quanh thông qua môn học hoặc cho rằng Vật lý cần thiết cho nghề nghiệp tương lai; khi đó, các em tích cực và chủ động trong học tập, tự học, tìm tòi nâng cao kiến thức. Bên cạnh đó, vẫn có một số lớn HS phổ thông cho rằng Vật lý là môn học khó hiểu và khó học tốt ở bậc học phổ thông. Các em không có hứng thú và động lực học tập môn Vật lý, thái độ học tập không tích cực.

Craker (2006) đã nghiên cứu và đi đến kết luận rằng, thái độ học tập môn Vật lý bị ảnh hưởng bởi động cơ học tập. Do đó, cần thiết có một nghiên cứu khoa học phân tích và khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến động cơ học tập môn Vật lý của HS cũng như sự tương quan giữa động cơ học tập và thái độ học tập của các em.

Bài viết trình bày các yếu tố ảnh hưởng tới động cơ học tập và mối quan hệ giữa động cơ học tập và thái độ học tập môn Vật lý của HS các khối lớp thuộc trung học cơ sở (THCS) và trung học phổ thông (THPT) trên địa bàn TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm cơ bản

- Động cơ học tập:

Động cơ học tập là những nhân tố kích thích, thúc đẩy tính tích cực, hứng thú học tập liên tục của người học nhằm đạt kết quả về nhận thức, phát triển nhân cách và hướng tới mục đích học tập đã đề ra. Nguyễn Bá Châu (2018) kết luận rằng, động lực thúc đẩy người học học tập trên cơ sở nhu cầu hoàn thiện tri thức, tiến tới làm chủ tri thức mà mình được học tập, làm chủ nghề nghiệp đang theo đuổi.

Có thể phân loại động cơ theo nhiều cách tiếp cận khác nhau. Huit (2011) cho rằng, trong quá trình học tập, HS có thể chịu tác động của động cơ bên ngoài và động cơ bên trong. Động cơ bên trong như sở thích, hứng thú của bản thân; nhận thức của bản thân đối với quá trình học tập, với lợi ích của học tập. Động cơ học tập bên ngoài có thể là sự tác động của gia đình hoặc người thân; sự cạnh tranh, kích thích giữa các HS trong lớp học hoặc là sự tác động của lợi ích đạt được. Như vậy, có nhiều yếu tố ảnh hưởng tới động cơ học tập của HS.

Động cơ học tập tạo ra hứng thú, hứng thú lại là cơ sở của tự giác (Trần Ngọc Dũng và Nguyễn Đình Thuộc, 2018). Động cơ học tập là yếu tố quan trọng đối với chất lượng, hiệu quả và thái độ học tập của HS các cấp phổ thông. Động cơ học tập của HS không phải là một yếu tố bất biến, tức là sau khi được hình thành nó có thể tiếp tục vận động và phát triển theo nhiều chiều hướng khác nhau. Động cơ học tập của HS được coi là phát triển khi các nhân tố tạo nên động cơ được gia tăng mức độ và có khả năng đạt được mục đích học tập đã đề ra, ví dụ như năng

lực học tập ngày càng nâng cao, ý chí học tập ngày càng bền chặt. Trong quá trình học tập, HS có thể chịu nhiều tác động từ gia đình, xã hội, hoặc tính hấp dẫn của bản thân môn học và hình thành nhiều loại động cơ học tập khác nhau cùng một lúc như động cơ đối tượng, động cơ kích thích, động cơ cá nhân, động cơ xã hội.

- *Thái độ học tập:*

Thái độ học tập là trạng thái tinh thần được biểu hiện ra bên ngoài đối với việc tiếp thu kiến thức từ một môn học nào đó (Nguyễn Thị Chi và cộng sự, 2010). Nói một cách dễ hiểu, thái độ học tập chính là trạng thái tinh thần khi HS học tập. Thái độ học tập rất quan trọng và ảnh hưởng lớn đến khả năng tiếp thu kiến thức của HS. HS có một thái độ tốt sẽ có khả năng tập trung cao độ, tiếp thu kiến thức một cách nhanh chóng, không trải qua sự thúc ép từ bất kì ai. Một thái độ học tập không tốt sẽ khiến cho HS giảm khả năng ghi nhớ, tiếp thu kém và ảnh hưởng tới thành tích học tập. Một cách ngắn gọn, để nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, cần giúp HS có thái độ học tập tích cực trên cơ sở tạo dựng động cơ học tập tích cực ở các môn học.

Qua nghiên cứu của mình, Guido (2018) nhận thấy rằng, nếu HS không thích các môn khoa học, các em cũng sẽ không thích học Vật lí. Kızıoğlu (2018) cho rằng, sở thích, hứng thú học tập và sự cần thiết cho nghề nghiệp tương lai góp phần tạo nên hứng thú học tập của HS. Theo Nguyễn Thị Mai Hà (2012), nghiên cứu động cơ học tập của người lớn đều chỉ ra rằng: động cơ học tập của người lớn chịu tác động bởi những yếu tố KT-XH, môi trường học tập, môi trường văn hóa. Để huy động động cơ học tập, các phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với người lớn rất quan trọng.

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng tới động cơ học tập và nghiên cứu sự ảnh hưởng của động cơ học tập đến thái độ học tập môn Vật lí của học sinh phổ thông trên địa bàn thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

2.2.1. Tổ chức khảo sát

- *Mẫu nghiên cứu:* 400 HS được lựa chọn ngẫu nhiên ở các cấp THPT và THCS; trong đó, có 130 HS THCS thuộc khối 7 Trường Phổ thông thực hành Sư phạm thuộc Trường Đại học An Giang; 140 HS THPT thuộc khối lớp 10 Trường THPT Long Xuyên và 130 HS thuộc khối 11 của Trường THPT Nguyễn Công Trứ, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- *Phương pháp nghiên cứu:*

Chúng tôi sử dụng kết hợp phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng để khảo sát mẫu nghiên cứu. Trước khi tiến hành khảo sát, chúng tôi thiết kế một bảng khảo sát gồm 33 câu hỏi định tính và định lượng. Mỗi câu hỏi định lượng có 4 lựa chọn a, b, c, d đại diện cho các ý kiến “không đồng ý”, “không ý kiến”, “đồng ý” và “hoàn toàn đồng ý” của HS với câu hỏi tương ứng. Trong số 33 câu hỏi này, có 21 câu hỏi khảo sát động cơ học tập môn Vật lí của HS phổ thông và 12 câu hỏi để HS tự đánh giá thái độ học tập môn Vật lí.

Về động cơ học tập, chúng tôi khảo sát tác động của 6 yếu tố với các mức độ khác nhau đến động cơ học tập môn Vật lí của HS các cấp phổ thông, gồm có: (1) Sự cần thiết, hữu ích và thú vị của môn Vật lí; (2) Sự tác động của gia đình (cha, mẹ, người thân); (3) Sự tác động bởi bạn bè; (4) Sự nhận thức, sở thích, năng lực của bản thân đối với môn Vật lí; (5) Sự ảnh hưởng của Vật lí đến môn học khác; (6) Sự ảnh hưởng của Vật lí đến nghề nghiệp tương lai của HS. Trong đó, các yếu tố (1), (4) thuộc nhóm động cơ học tập bên trong; các yếu tố (2), (3), (5) và (6) thuộc nhóm động cơ học tập bên ngoài (Huit, 2011). Yếu tố (2), (3) là các yếu tố tác động đến động cơ học tập nói chung của HS, yếu tố (1), (4), (5) và (6) là yếu tố tác động đến động cơ học tập môn Vật lí nói riêng.

Về thái độ học tập, các câu hỏi khảo sát liên quan đến các vấn đề: thái độ đối với sự rèn luyện, nâng cao năng lực học tập của bản thân nhằm đáp ứng yêu cầu cần đạt của mục đích học tập; sự nuôi dưỡng hứng thú học tập của bản thân hướng tới mục đích học tập; sự bồi dưỡng, nâng cao ý chí, nghị lực của bản thân vì mục đích học tập.

Trước khi khảo sát chính thức, chúng tôi đã thực hiện khảo sát mẫu bằng cách lựa chọn ngẫu nhiên 40 HS trả lời bảng hỏi đã thiết kế. Sau khi khảo sát mẫu, chúng tôi đã sửa chữa và hoàn thiện để có được bảng khảo sát chính thức. Cụ thể, chúng tôi ghi nhận các tình huống đã phát sinh trong quá trình khảo sát mẫu; từ đó, có sự thay đổi và điều chỉnh ở các câu dẫn cho HS dễ hiểu hơn, tăng lựa chọn e là lựa chọn định tính ở tất cả các câu hỏi khảo sát, lựa chọn này cho phép liệt kê đáp án riêng của HS ngoài các đáp án có sẵn hoặc nếu các em muốn liệt kê để nhấn mạnh. Ngoài ra, các hướng dẫn được viết rõ ràng và cụ thể hơn, giúp HS không bị nhầm lẫn khi trả lời bảng hỏi.

Sau khi khảo sát, chúng tôi dùng Excel thống kê các lựa chọn câu trả lời của HS và dùng phần mềm R để phân tích và xử lý số liệu, vẽ đồ thị, tìm sự liên hệ giữa động cơ học tập và thái độ học tập của HS.

2.2.2. Kết quả khảo sát

2.2.2.1. Kết quả khảo sát định lượng

Để phân tích các số liệu thống kê, trước tiên, chúng tôi đã chọn lọc các phiếu khảo sát. Các phiếu khảo sát mà HS chỉ chọn một loại đáp án hoặc a, hoặc b, hoặc c hoặc d cho tất cả các câu hỏi, không thể hiện được ý kiến thật sự của HS hoặc câu trả lời của câu hỏi trước với câu trả lời của câu hỏi sau có sự mâu thuẫn lẫn nhau đều được xem là không đáng tin cậy (không hợp lệ) và được xử lý riêng. Với cách làm này, có 53 phiếu không hợp lệ - chiếm tỉ lệ 13,3% và số phiếu hợp lệ là 347 phiếu - chiếm tỉ lệ 86,7% trong tổng số các phiếu khảo sát đã phát cho HS.

Với 347 phiếu trả lời khảo sát hợp lệ, các lựa chọn a, b, c, d được gán các giá trị tương ứng từ 1 đến 4. Các thống kê, tính toán giá trị trung bình, phương sai, độ lệch chuẩn, vẽ đồ thị, tính hệ số tương quan giữa động cơ học tập và thái độ học tập được thực hiện bằng ngôn ngữ thống kê R.

Trong R, dùng lệnh describe và violinBy để tính toán các đại lượng thống kê cơ bản của từng câu khảo sát, chúng tôi thu được giá trị mean (giá trị trung bình), SD (độ lệch chuẩn), median (trung vị), giá trị min (cực tiểu) và max (cực đại) như kết quả trong *bảng 1*:

Bảng 1. Các đại lượng thống kê cơ bản

Câu hỏi	Mean	Sd	Median	Min	Max	Range	Câu hỏi	Mean	Sd	Median	Min	Max	Range
Câu 1	2,70	0,93	3	1	4	3	Câu 18	2,33	0,86	2	1	4	3
Câu 2	2,94	0,76	3	1	4	3	Câu 19	2,28	0,87	2	1	4	3
Câu 3	2,93	0,82	3	1	4	3	Câu 20	2,16	1,08	2	1	4	3
Câu 4	1,56	0,92	1	1	4	3	Câu 22	2,33	0,93	2	1	4	3
Câu 5	2,34	0,96	3	1	4	3	Câu 23	2,97	0,66	3	1	4	3
Câu 6	2,52	0,97	3	1	4	3	Câu 24	2,30	0,93	2	1	4	3
Câu 7	1,48	0,79	1	1	4	3	Câu 25	3,36	0,80	4	1	4	3
Câu 8	2,16	1,04	2	1	4	3	Câu 26	2,90	0,81	3	1	4	3
Câu 9	2,11	0,92	2	1	4	3	Câu 27	2,07	0,93	2	1	4	3
Câu 10	3,20	0,83	3	1	4	3	Câu 28	1,48	0,78	1	1	4	3
Câu 11	3,41	0,68	4	1	4	3	Câu 29	2,39	0,99	3	1	4	3
Câu 12	3,40	0,64	3	1	4	3	Câu 30	2,23	0,95	2	1	4	3
Câu 13	2,41	0,87	2	1	4	3	Câu 31	2,22	0,99	3	1	4	3
Câu 14	2,14	0,89	2	1	4	3	Câu 32	2,22	0,90	2	1	4	3
Câu 16	3,23	0,67	3	1	4	3	Câu 33	2,16	0,86	2	1	4	3
Câu 17	2,74	0,92	3	1	4	3							

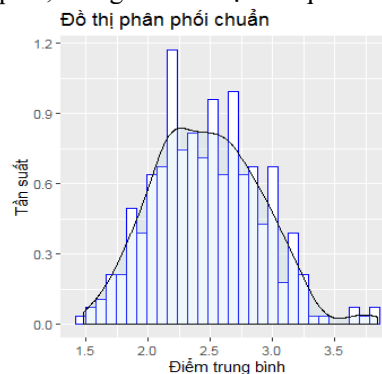
Trong R, dùng lệnh hist và plot để xác định đồ thị phân phối, chúng tôi thu được kết quả như *đồ thị 1*:

Căn cứ vào hình dạng *đồ thị 1*, có thể xem đồ thị phân phối là đồ thị phân phối chuẩn. Như vậy, có thể dùng các kiểm định giả thuyết về phân phối chuẩn để phân tích số liệu, lựa chọn hoặc bác bỏ các giả thuyết.

Để xác định sự ảnh hưởng của các yếu tố đến động cơ học tập của HS, các giá trị trung bình (Mean, kí hiệu M trên *đồ thị 2*) và độ lệch chuẩn (Standard Deviation, kí hiệu SD trên *đồ thị 2*) được tính bằng R cho kết quả như *bảng 2*:

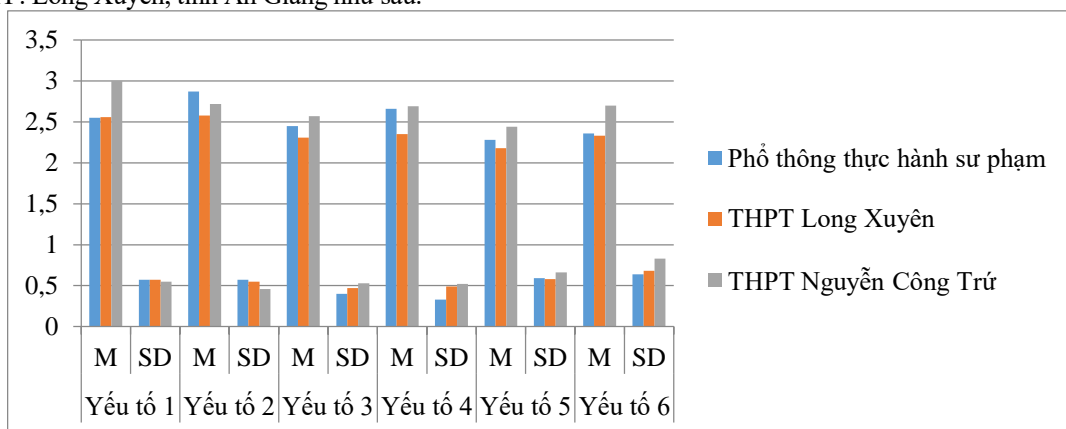
Bảng 2. Giá trị trung bình và độ lệch chuẩn của các yếu tố ảnh hưởng đến động cơ học tập của HS

Trường	Yếu tố 1		Yếu tố 2		Yếu tố 3		Yếu tố 4		Yếu tố 5		Yếu tố 6	
	Mean	SD	Mean	SD	Mean	SD	Mean	SD	Mean	SD	Mean	SD
1	2,55	0,57	2,87	0,57	2,45	0,40	2,66	0,33	2,28	0,59	2,36	0,64
2	2,56	0,57	2,58	0,55	2,31	0,47	2,35	0,49	2,18	0,58	2,33	0,68
3	3,00	0,55	2,72	0,46	2,57	0,53	2,69	0,52	2,44	0,66	2,70	0,83



Đồ thị 1. Đồ thị phân phối của mẫu nghiên cứu

Đồ thị 2 thể hiện giá trị trung bình và độ lệch chuẩn của các yếu tố ảnh hưởng đến động cơ học tập của HS phổ thông TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang như sau:



Đồ thị 2. Giá trị trung bình và độ lệch chuẩn của các yếu tố ảnh hưởng đến động cơ học tập của HS trung học

Từ đồ thị 2 có thể thấy rằng, đối với HS THCS Trường Phổ thông thực hành Sư phạm, các yếu tố có ảnh hưởng lớn đến động cơ học tập của HS theo mức độ giảm dần là yếu tố 2, 4, 1, 3, 6, 5. Như vậy, yếu tố có ảnh hưởng lớn đến động cơ học tập của HS lớp 7 là tác động từ phía gia đình đến các em. Tiếp theo đó là động cơ học tập bên trong, tức năng lực, sở thích và nhận thức của các em về môn học sẽ ảnh hưởng đến động cơ học tập. Bên cạnh đó, tầm ảnh hưởng hoặc mối liên hệ và tính ứng dụng của Vật lý đến môn học khác ảnh hưởng thấp nhất đến động cơ học tập của HS cấp THCS.

Đối với HS THPT, các yếu tố có ảnh hưởng lớn đến động cơ học tập của HS Trường THPT Nguyễn Công Trứ theo mức độ giảm dần là yếu tố 1, 6, 4, 2, 3, 5. Trong khi đó, các yếu tố có ảnh hưởng lớn đến động cơ học tập của HS Trường THPT Long Xuyên theo mức độ giảm dần là yếu tố 2, 1, 4, 6, 3, 5. (Józsa, Kis, & Huang, 2017) với những nghiên cứu tương tự cho rằng, những khác biệt này có thể do môi trường học tập hoặc đặc điểm của đối tượng HS.

Nhìn chung, từ kết quả phân tích nghiên cứu định lượng, chúng tôi nhận thấy rằng, bên cạnh sự ảnh hưởng của cha mẹ, người thân thì chính sự cần thiết, hữu ích và thú vị của môn Vật lý cũng là yếu tố chính tạo nên động cơ học tập môn Vật lý của HS THPT. Cũng tương tự như đối với HS THCS, tầm ảnh hưởng hoặc mối liên hệ và tính ứng dụng của Vật lý đến môn học khác ảnh hưởng thấp nhất đến động cơ học tập của HS cấp THPT.

Khi dùng R để tính hệ số tương quan Pearson r (Pearson's product-moment correlation) giữa hai biến động cơ học tập (dco) và thái độ học tập (tdo), ta được kết quả như hình 1:

```
Pearson's product-moment correlation

data: dco and tdo
t = 16.315, df = 345, p-value < 2.2e-16
alternative hypothesis: true correlation is not equal to 0
95 percent confidence interval:
 0.5960652 0.7155033
sample estimates:
 cor
0.6599335
```

Hình 1. Kết quả dùng R để tính hệ số tương quan r

Với kết quả như hình 1, giá trị $t = 16,315$; bậc tự do $df = 345$ và giá trị $p - value < 2.2e^{-16}$ rất bé so với trị số 0,05, hệ số tương quan Pearson r là 0,6599335. Trong khoảng tin cậy 95%, hệ số tương quan Pearson r thuộc khoảng từ 0,5960652 đến 0,7155033. Như vậy, có thể khẳng định rằng giữa động cơ học tập và thái độ học tập có mối tương quan tuyến tính và mối tương quan này có ý nghĩa về mặt thống kê.

Tóm lại, từ các kết quả nghiên cứu, có thể thấy rằng, động cơ học tập môn Vật lý của HS thuộc các khối lớp THCS và THPT chịu tác động lớn từ các yếu tố, bao gồm: động cơ từ chính môn học, sự cần thiết, hữu ích và thú vị của môn Vật lý; động cơ từ gia đình; động cơ từ tác động bởi bạn bè; động cơ từ nhận thức, sở thích, năng lực của bản thân đối với môn học; động cơ từ tầm ảnh hưởng của Vật lý đến môn học khác và cuối cùng là động cơ từ tầm ảnh hưởng của Vật lý đến nghề nghiệp tương lai của HS. Ngoài ra, động cơ học tập môn Vật lý có tác động nhất định

đến thái độ học tập của HS. Với những kết quả vừa nêu, nhà trường, nhà quản lý giáo dục, thầy cô giáo trực tiếp giảng dạy môn Vật lý có thể sử dụng những biện pháp phù hợp để nâng cao động cơ học tập, cải thiện thái độ học tập môn Vật lý, giúp các em đạt thành tích cao trong học tập.

2.2.2.2. Kết quả khảo sát định tính

Ngoài phân tích số liệu để nghiên cứu định lượng, chúng tôi cũng phân tích các ý kiến bổ sung của HS; tức là, tập hợp các phiếu khảo sát có lựa chọn (e) ở tất cả các câu hỏi và nêu ý kiến ở câu hỏi 21 là câu hỏi mở cho phép HS liệt kê về các yếu tố khác tạo nên các động cơ học tập ngoài các yếu tố có sẵn trong bảng khảo sát.

Trong số 400 phiếu khảo sát, có 94 phiếu khảo sát, chiếm tỉ lệ 23,5% tổng số đối tượng khảo sát, có ý kiến ở các lựa chọn (e) và ở câu 21. Trong số các ý kiến của 94 phiếu này, có những ý kiến vốn thuộc 6 yếu tố ảnh hưởng động cơ học tập đang được khảo sát. Cụ thể, HS muốn nhấn mạnh rằng, động cơ học tập của mình là do gia đình tạo nên, sự quan tâm và áp lực từ gia đình khiến các em HS nỗ lực học tốt môn Vật lý hơn. Sự cần thiết của Vật lý đến nghề nghiệp dự kiến trong tương lai của HS và sự hấp dẫn của môn học, tính ứng dụng và gắn liền với thực tiễn của cuộc sống cũng được HS quan tâm và được liệt kê nhằm nhấn mạnh tầm quan trọng của các yếu tố này tới động cơ học tốt môn học của HS.

Ngoài ra, những yếu tố khác không có sẵn trong bảng khảo sát nhưng được cả HS THCS và THPT liệt kê thêm, bao gồm mối quan tâm đến điểm số và áp lực học để đạt điểm cao, học để được gia đình hoặc thầy cô khen ngợi, được khen thưởng cuối năm, được bạn bè ngưỡng mộ, sự thích hoặc không thích thầy cô giảng dạy môn Vật lý cũng là những yếu tố tạo nên động cơ học tập của HS. Những liệt kê này là cơ sở để chúng tôi phát triển hướng nghiên cứu của đề tài trong tương lai.

3. Kết luận

Với những kết quả nghiên cứu đã đạt được, chúng tôi nhận thấy rằng, trong số các yếu tố được khảo sát, yếu tố gia đình đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nên động cơ học tập môn Vật lý của HS phổ thông TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang. Ngoài ra, sự thú vị của môn học, sở thích cá nhân, sự cần thiết cho nghề nghiệp tương lai cũng góp phần tạo nên động cơ học tập môn Vật lý của HS.

Động cơ học tập có mối liên hệ mật thiết đến thái độ học tập của HS. Nói cách khác, động cơ học tập có vai trò rất quan trọng trong hoạt động học tập, là nguồn động lực và là kim chỉ nam cho hoạt động học tập. HS cần sớm hình thành cho mình những động cơ học tập đúng hướng và thường xuyên bồi đắp, phát triển động cơ đó ngày càng thêm bền vững.

Tài liệu tham khảo

- Craker, D. (2006). *Attitudes towards science of Students enrolled in Introductory Level Science Courses*. UW-L Journal of Undergraduate Research, IX, 1-6.
- Guido, R. M. D. (2018). *Attitude and Motivation towards Learning Physics*. International Journal of Engineering Research & Technology, 2(11), 2087-2093. Retrieved from <http://arxiv.org/abs/1805.02293>
- Huit, W. (2011). *Motivation to learn: An overview*. Educational Psychology Interactive. Valdosta, GA. Valdosta State University.
- Józsa, K., Kis, N., & Huang, S. (2017). *Mastery Motivation in School Subjects in Hungary and Taiwan*. In Hungarian Educational Research Journal, 7, 158-177. <https://doi.org/DOI:10.14413/HERJ/7/2/10>
- Kıçoğlu, M. (2018). *An examination of science high school students' motivation towards learning biology and their attitude towards biology lessons*. International Journal of Higher Education, 7(1), 151-164. <https://doi.org/10.5430/ijhe.v7n1p151>
- Nguyễn Bá Châu (2018). *Nghiên cứu thực trạng các yếu tố ảnh hưởng đến động cơ học tập của sinh viên Trường Đại học Hồng Đức*. Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 6, tr 147-150.
- Nguyễn Thị Chi - Nguyễn Thị Liên Hương - Nguyễn Thị Phương Hoa (2010). *Thái độ học tập các môn chung của sinh viên Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội*. Tạp chí Giáo dục, số 244, tr 60-62.
- Nguyễn Thị Mai Hà (2012). *Động cơ học tập và những yếu tố tác động tới động cơ học tập của người lớn*. Tạp chí Giáo dục, số 279, tr 7-10.
- Trần Ngọc Dũng - Nguyễn Đình Thước (2018). *Bồi dưỡng động cơ học tập môn Vật lý đại cương cho học viên Trường Sĩ quan Kỹ thuật quân sự*. Tạp chí Giáo dục, số 431, tr 46-48.